

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/DS-ST

Ngày: 30 – 9 – 2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Lành

2. Ông Phan Văn Chiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2020/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Ái M**, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Ngô Thái P**, sinh năm 1993; Địa chỉ: ấp Ph, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Thái Thị B**, sinh năm 1964; Địa chỉ: ấp Ph, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt)

3.2 Anh **Nguyễn Hùng V**, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Hùng V: Chị **Trần Thị Ái M**, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (Văn bản ủy quyền ngày 26/6/2020) (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 01 năm 2020, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Ai M trình bày:*

Vào tháng 05/2014, chị cho anh P mượn thẻ thấu chi do chị mở tại Ngân hàng Sacombank có hạn mức là 5.000.000 đồng để anh P tự rút tiền sử dụng. Sau khi anh P bỏ đi, chị có đến liên hệ Ngân hàng Sacombank thì mới biết anh P đã rút trong thẻ của chị số tiền là 3.335.000 đồng và chị đã bỏ tiền ra trả số tiền này cho Ngân hàng vào ngày 17/01/2019.

Tháng 04/2016, chị cho anh P mượn số tiền 20.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng nhân dân huyện Phước Long, không thỏa thuận thời hạn trả. Đến khoảng cuối năm 2016 thì anh P có trả lại cho chị số tiền 10.000.000 đồng và còn nợ lại là 10.000.000 đồng.

Tháng 8/2017, anh P có hỏi mượn chị số tiền 50.000.000 đồng nhưng do chị không có tiền mặt nên anh P có kêu chị cầm cố sổ tiết kiệm để vay tiền cho anh P mượn thì chị đồng ý. Chị đã cầm cố sổ tiết kiệm của chị để vay Quỹ tín dụng nhân dân huyện Phước Long số tiền 49.000.000 đồng. chị lấy số tiền 49.000.000 đồng và thêm vào tiền mặt của chị là 50.000.000 đồng đưa cho anh P mượn. Đến khoảng 4/2018, thì hợp đồng vay tiền của chị đến hạn nên anh P đưa cho chị số tiền 50.000.000 đồng để trả cho Quỹ tín dụng và chị tiếp tục vay lại số tiền 50.000.000 đồng đưa cho anh P mượn tại Quỹ tín dụng nhân dân huyện Phước Long. Anh P nói mượn để nuôi heo khi nào bán heo sẽ trả nhưng sau đó vẫn không trả. Đến ngày 21/01/2019, chị đã bỏ tiền của chị trả tiền vay cho Quỹ tín dụng số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 4.913.400 đồng.

Vào ngày 16/6/2018 thì anh P có hỏi mượn chị 02 lượng vàng 24K để cho khách hàng mượn đáo hạn hợp đồng tín dụng, khoảng 02-03 ngày thì sẽ trả lại cho chị. Nhưng sau 02-03 ngày thì anh P không có trả lại vàng cho chị, chị có đòi nhiều lần thì anh P nói để ở nhà. Đến ngày 02/7/2018, anh P có nhắn tin cho chị nói cho anh P mượn luôn 02 lượng vàng 24K để cất nhà, đến cuối tháng anh P hốt hụi anh P sẽ trả lại, chị cũng đồng ý cho mượn. Sau đó chị đòi liên tục nhiều lần nhưng anh P cứ hứa mà không trả cho chị.

Các lần mượn tiền và vàng thì hai bên không có làm giấy tờ gì hết, chỉ thỏa thuận miệng. Tổng cộng anh P nợ chị số tiền là 68.248.400 đồng và 02 lượng vàng 24K. Đến ngày 16/01/2019, anh P bỏ trốn khỏi địa phương. Đến khoảng tháng 02/2019 thì mẹ anh P là bà Thái Thị B có trả cho chị khoản nợ của anh P với số tiền 30.000.000 đồng. Từ đó đến nay anh P không có trả nợ cho chị.

Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu anh Ngô Thái P và bà Thái Thị B trả nợ cho chị. Tuy nhiên, nay chị nhận thấy người trực tiếp hỏi mượn tiền và vàng của chị là anh P nên chị xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị chỉ yêu cầu anh P trả nợ cho chị, chị không yêu cầu gì đối với bà B. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Ngô Thái P phải trả cho chị số tiền 38.248.400 đồng và 02 lượng vàng 24K, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Chị xác định số tiền và vàng này là tài sản chung của vợ chồng chị. Anh V thống nhất theo yêu cầu của chị, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Bị đơn anh Ngô Thái P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thái Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

Theo lời khai của anh P tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bạc Liêu thì anh P thừa nhận: vào năm 2014 anh P có mượn thẻ thấu chi của chị M hạn mức 8.000.000 đồng và đã rút hết số tiền trong hạn mức. Đến tháng 4/2016 mượn chị M số tiền 20.000.000 đồng nhưng sau đó đã trả được 10.000.000 đồng. Ngày 21/3/2018 chị M cầm sổ tiết kiệm cho anh P mượn số tiền 50.000.000 đồng (lãi 4.913.000 đồng) và ngày 02/7/2018, tiếp tục mượn của chị M 02 lượng vàng 24K. Tại Biên bản làm việc ngày 26/8/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bạc Liêu, anh P thừa nhận còn nợ chị M số tiền 38.248.400 đồng và 02 lượng vàng 24K, anh P đồng ý sau này bán nhà, chia theo tỷ lệ phần trăm bị lỗ thì anh P sẽ trả bù thêm tiền và vàng anh P đã nợ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng theo khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M yêu cầu anh P trả số tiền đã mượn là 38.248.400 đồng và 02 lượng vàng 24K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị M khởi kiện yêu cầu anh P trả tiền và vàng đã mượn, anh P đang cư trú trên địa bàn huyện P nên căn cứ vào khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh P và bà B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị M có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị M, anh P và bà B là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của đương sự: Anh P thừa nhận vào năm 2014 anh P có mượn thẻ thấu chi của chị M hạn mức 8.000.000 đồng và đã rút hết số tiền trong hạn mức. Đến tháng 4/2016 mượn chị M số tiền 20.000.000 đồng nhưng sau đó đã trả được 10.000.000 đồng. Ngày 21/3/2018 chị M cầm sổ tiết kiệm cho anh P mượn số tiền 50.000.000 đồng (lãi 4.913.000 đồng) và ngày 02/7/2018, tiếp tục mượn của chị M 02 lượng vàng 24K. Tại Biên bản làm việc ngày 26/8/2019 của

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bạc Liêu, anh P thừa nhận còn nợ chị M số tiền 38.248.400 đồng và 02 lượng vàng 24K và đồng ý trả nợ cho M. Sự thừa nhận của anh P là tình tiết, sự kiện không phải chứng M theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, việc anh P có mượn tiền và vàng của chị M và hiện còn nợ chị M là thực tế có xảy ra nên chị M yêu cầu anh P phải trả nợ cho chị M là có căn cứ nên được chấp nhận. Chị M xác định anh P là người trực tiếp vay tiền của chị M nên chị M chỉ yêu cầu anh P có nghĩa vụ trả nợ và số tiền và vàng này là tài sản chung của chị M và anh V. Do đó, căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật Dân sự Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, buộc anh P có nghĩa vụ trả cho chị M và anh V số tiền còn nợ là 38.248.400 đồng và 02 lượng vàng 24K. Chị M không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Các đương sự khác không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ái M đối với anh Ngô Thái P. Buộc anh Ngô Thái P có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Ái M và anh Nguyễn Hùng V số tiền 38.248.400 đồng (Ba mươi tám triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm đồng) và 02 (Hai) lượng vàng 24K.

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh Ngô Thái P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.172.420đ. Các đương sự khác không phải chịu án phí. Chị Trần Thị Ái M đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.631.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0009334 ngày 21/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được nhận lại.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Ly